



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022



Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

3600642822

ngày 1 tháng 7 năm 2003

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là ngày 18 tháng 1 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Công Thắng

Chủ tịch

Ông Trần Quốc Cương

Thành viên

Bà Nguyễn Hoàng Yên

Thành viên

Ông Huỳnh Việt Thắng

Thành viên

Bà Nguyễn Thị Phương Thùy

Thành viên

Ông Vũ Quốc Tuấn

Thành viên

(từ ngày 19 tháng 4 năm 2022)

Bà Lưu Thanh Hồng

Thành viên

(từ ngày 19 tháng 4 năm 2022)

Ông Ngô Văn Phước

Thành viên

(đến ngày 19 tháng 4 năm 2022)

Bà Thái Thị Hồng Yên

Thành viên

(đến ngày 19 tháng 4 năm 2022)

Ban Giám đốc

Ông Phan Trọng Chinh

Tổng Giám đốc

(từ ngày 17 tháng 1 năm 2022)

Bà Thái Thị Hồng Yên

Tổng Giám đốc

(đến ngày 17 tháng 1 năm 2022)

Ông Phạm Quốc Cường

Phó Tổng Giám đốc phụ trách

công nghệ và sản xuất

Ông Cao Trần Đăng Khoa

Giám đốc chất lượng

Trụ sở đăng ký

Đường D4, Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn

Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành

Tỉnh Đồng Nai

Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 39 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Phan Trọng Chinh
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 1 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt NET tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00533-23-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		481.207.043.158	405.908.491.608
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	192.322.689.219	41.410.827.367
Tiền	111		15.322.689.219	8.410.827.367
Các khoản tương đương tiền	112		177.000.000.000	33.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.500.000.000	94.975.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	6.500.000.000	94.975.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73.740.805.933	67.305.897.437
Phải thu của khách hàng	131	7	70.216.051.396	64.703.359.421
Trả trước cho người bán	132		1.611.854.580	126.276.143
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.912.899.957	2.476.261.873
Hàng tồn kho	140	9	204.562.354.324	201.792.623.838
Hàng tồn kho	141		205.124.509.069	201.792.623.838
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(562.154.745)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.081.193.682	424.142.966
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		724.637.300	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.347.507.137	101.929.002
Thuế phải thu Nhà nước	153		2.009.049.245	322.213.964

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		277.739.915.766	298.601.375.021
Tài sản cố định	220		226.546.665.983	245.578.702.273
Tài sản cố định hữu hình	221	10	226.192.624.290	245.161.160.588
Nguyên giá	222		401.812.281.971	400.291.860.371
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(175.619.657.681)	(155.130.699.783)
Tài sản cố định vô hình	227	11	354.041.693	417.541.685
Nguyên giá	228		549.000.000	549.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(194.958.307)	(131.458.315)
Bất động sản đầu tư	230	12	7.359.461.203	8.939.240.067
Nguyên giá	231		34.505.676.919	34.505.676.919
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(27.146.215.716)	(25.566.436.852)
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	206.605.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	206.605.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		716.390.400	716.390.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(716.390.400)	(716.390.400)
Tài sản dài hạn khác	260		43.833.788.580	43.876.827.681
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	43.833.788.580	43.876.827.681
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		758.946.958.924	704.509.866.629

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		424.692.948.656	346.419.049.373
Nợ ngắn hạn	310		424.592.948.656	346.319.049.373
Phải trả người bán	311	15	228.667.429.679	250.017.710.824
Người mua trả tiền trước	312		6.646.448.075	5.975.576.882
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	690.929.825	6.938.180.566
Phải trả người lao động	314		30.117.943	11.960.132.866
Chi phí phải trả	315	17	35.351.071.355	35.884.565.625
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	4.456.999.034	4.514.921.080
Vay ngắn hạn	320	19	142.776.863.932	20.357.796.120
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	5.973.088.813	10.670.165.410
Nợ dài hạn	330		100.000.000	100.000.000
Phải trả dài hạn khác	337		100.000.000	100.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		334.254.010.268	358.090.817.256
Vốn chủ sở hữu	410	21	334.254.010.268	358.090.817.256
Vốn cổ phần	411	22	223.983.740.000	223.983.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		223.983.740.000	223.983.740.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	15.706.553.642	15.706.553.642
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94.563.716.626	118.400.523.614
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		6.408.653.614	5.036.986.139
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		88.155.063.012	113.363.537.475
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		758.946.958.924	704.509.866.629

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Trần Thị Ái Liên
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thành Luân
 Kế toán trưởng



Phan Trọng Chính
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.540.164.943.720	1.479.644.749.575
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	10.255.821.358	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	1.529.909.122.362	1.479.644.749.575
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	1.259.036.077.252	1.181.648.022.215
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		270.873.045.110	297.996.727.360
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	10.333.687.316	6.884.869.635
Chi phí tài chính	22	29	5.620.639.655	1.650.281.363
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.658.342.636	459.960.964
Chi phí bán hàng	25	30	146.079.486.157	144.799.293.382
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	27.361.231.933	30.422.708.458
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		102.145.374.681	128.009.313.792
Thu nhập khác	31		1.372.032.642	3.674.420.761
Chi phí khác	32		1.801.080.786	718.352.270
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(429.048.144)	2.956.068.491
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		101.716.326.537	130.965.382.283
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	13.561.263.525	17.601.844.808
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		88.155.063.012	113.363.537.475

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	3.936	5.061

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Trần Thị Ái Liên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thành Luân
Kế toán trưởng



Phan Trọng Chinh
Tổng Giám đốc

3600642822-C.T.P.
CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET
H. LONG THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	101.716.326.537	130.965.382.283
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	22.132.236.754	21.533.949.320
Các khoản dự phòng	03	562.154.745	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.740.165.313)	96.380.017
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.457.517.371)	(4.883.738.829)
Chi phí lãi vay	06	1.658.342.636	459.960.964
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	118.871.377.988	148.171.933.755
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(8.281.584.024)	(4.935.556.514)
Biến động hàng tồn kho	10	(3.331.885.231)	(2.872.376.549)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(33.112.805.919)	33.183.573.141
Biến động chi phí trả trước	12	(681.598.199)	1.970.915.659
		73.463.504.615	175.518.489.492
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.526.486.028)	(459.210.224)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(20.346.840.983)	(17.318.074.042)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.697.076.597)	(3.323.458.008)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	46.893.101.007	154.417.747.218
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.313.816.600)	(13.064.529.970)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	222.727.273
Gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(6.500.000.000)	(116.475.000.000)
Rút tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	94.975.000.000	106.800.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	5.816.020.051	4.624.240.108
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	92.977.203.451	(17.892.562.589)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	186.355.263.790	94.026.533.820
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(63.286.620.570)	(94.316.027.250)
Tiền chi trả cổ tức	36	(111.990.492.500)	(134.388.591.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	11.078.150.720	(134.678.084.430)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	150.948.455.178	1.847.100.199
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	41.410.827.367	39.563.916.661
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(36.593.326)	(189.493)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	192.322.689.219	41.410.827.367

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:


 Trần Thị Ái Liên
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Nguyễn Thành Luân
 Kế toán trưởng



 Phan Trọng Chinh
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa;
- bán buôn các loại bột giặt và hóa chất tẩy rửa; và
- cho thuê kho, nhà xưởng và văn phòng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Hồ Chí Minh và Chi nhánh Biên Hòa (1/1/2022: 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 442 nhân viên (1/1/2022: 555 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.



15/11/2022

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 8 đến 10 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 – 25 năm
- cơ sở hạ tầng 5 – 20 năm

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho máy móc và thiết bị chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí sử dụng hạ tầng

Phí sử dụng hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng khu công nghiệp. Phí sử dụng hạ tầng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng là 47 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu gia công

Doanh thu gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hàng hóa được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê trong suốt thời hạn thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa. Do đó, báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty được dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.

(t) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***4. Báo cáo bộ phận**

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được phân bổ theo vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Nước ngoài”). Toàn bộ tài sản của bộ phận và chi tiêu vốn của bộ phận nằm ở Việt Nam. Các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Trong nước		Nước ngoài		Tổng	
	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.326.938.973.353	1.186.173.678.389	202.970.149.009	293.471.071.186	1.529.909.122.362	1.479.644.749.575
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.101.368.333.335	957.836.890.300	157.667.743.917	223.811.131.915	1.259.036.077.252	1.181.648.022.215
Lợi nhuận gộp	225.570.640.018	228.336.788.089	45.302.405.092	69.659.939.271	270.873.045.110	297.996.727.360

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	277.088.159	253.038.315
Tiền gửi ngân hàng	15.045.601.060	8.157.789.052
Các khoản tương đương tiền	177.000.000.000	33.000.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	192.322.689.219	41.410.827.367

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	6.500.000.000	94.975.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo.

7. Phải thu của khách hàng**Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty mẹ của công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	59.286.912.372	17.823.678.600
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	77.140.963	-
Công ty TNHH MEATDeli HN	64.544.973	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	-	20.741.955.740

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ký cược, ký quỹ	1.038.600.000	987.300.000
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	550.109.589	908.612.269
Tạm ứng cho nhân viên	36.846.534	55.870.000
Phải thu khác	287.343.834	524.479.604
	1.912.899.957	2.476.261.873

9. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	9.901.589.292	-	7.084.182.360	-
Nguyên vật liệu	167.250.483.520	(562.154.745)	144.836.227.896	-
Công cụ và dụng cụ	71.237.723	-	449.859.560	-
Sản phẩm dở dang	2.202.474.983	-	4.058.318.917	-
Thành phẩm	20.115.333.074	-	45.364.035.105	-
Hàng gửi đi bán	5.583.390.477	-	-	-
	205.124.509.069	(562.154.745)	201.792.623.838	-

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Trích lập dự phòng trong năm và số dư cuối năm	562.154.745	-

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	228.053.188.786	158.819.479.276	11.331.818.097	2.087.374.212	400.291.860.371
Tăng trong năm	-	1.146.805.600	85.000.000	-	1.231.805.600
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	288.616.000	-	-	288.616.000
Số dư cuối năm	228.053.188.786	160.254.900.876	11.416.818.097	2.087.374.212	401.812.281.971
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	50.699.300.210	96.146.593.482	7.083.996.841	1.200.809.250	155.130.699.783
Khấu hao trong năm	10.512.374.114	8.979.008.792	788.929.192	208.645.800	20.488.957.898
Số dư cuối năm	61.211.674.324	105.125.602.274	7.872.926.033	1.409.455.050	175.619.657.681
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	177.353.888.576	62.672.885.794	4.247.821.256	886.564.962	245.161.160.588
Số dư cuối năm	166.841.514.462	55.129.298.602	3.543.892.064	677.919.162	226.192.624.290

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 76.377 triệu VND (1/1/2022: 60.735 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	549.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	131.458.315
Khấu hao trong năm	63.499.992
Số dư cuối năm	194.958.307
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	417.541.685
Số dư cuối năm	354.041.693

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	31.727.073.211	2.778.603.708	34.505.676.919
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	23.275.919.803	2.290.517.049	25.566.436.852
Khấu hao trong năm	1.517.052.356	62.726.508	1.579.778.864
Số dư cuối năm	24.792.972.159	2.353.243.557	27.146.215.716
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	8.451.153.408	488.086.659	8.939.240.067
Số dư cuối năm	6.934.101.052	425.360.151	7.359.461.203

Trong bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các bất động sản đầu tư có nguyên giá 2.593 triệu VND (1/1/2022: 2.545 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được xác định do không có giao dịch trên thị trường gần đây đối với bất động sản đầu tư tương tự và ở cùng vị trí với bất động sản đầu tư của Công ty.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Đầu tư tài chính dài hạn**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ (“Rau quả Cần Thơ”) với số tiền là 716.390.400 VND. Công ty nắm giữ 6.600 cổ phần với mệnh giá là 100.000 VND/1 cổ phần, tương đương với 10,1% vốn điều lệ của Rau quả Cần Thơ. Tại thời điểm lập báo cáo này, Rau quả Cần Thơ đã ngừng hoạt động do bị thua lỗ kéo dài và đã làm thủ tục giải thể công ty. Ban Giám đốc Công ty đã trích lập dự phòng cho toàn bộ khoản đầu tư này.

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí sử dụng hạ tầng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	43.249.575.882	627.251.799	43.876.827.681
Tăng trong năm	-	1.992.228.596	1.992.228.596
Phân bổ trong năm	(1.128.249.804)	(907.017.893)	(2.035.267.697)
Số dư cuối năm	42.121.326.078	1.712.462.502	43.833.788.580

15. Phải trả người bán**Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam	6.317.948.160	4.104.051.600
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam	3.294.749.582	4.262.992.800
Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution	89.100.000	-

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Thuế phải nộp Nhà Nước

	1/1/2022 VND	Phát sinh VND	Nộp/Cán trừ VND	Phân loại lại VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	509.853.674	146.525.871.412	(146.450.340.584)	-	585.384.502
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	22.596.979.525	(23.105.250.815)	508.271.290	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.284.799.503	13.561.263.525	(20.346.840.983)	1.500.777.955	-
Thuế nhập khẩu	-	1.249.588.278	(1.249.588.278)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	150.122.132	2.213.674.689	(2.258.251.498)	-	105.545.323
Các loại thuế khác	993.405.257	2.056.020.506	(3.049.425.763)	-	-
	6.938.180.566	188.203.397.935	(196.459.697.921)	2.009.049.245	690.929.825

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí phải trả**

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Chi phí khuyến mại, quảng cáo và hỗ trợ bán hàng	24.984.863.753	30.325.901.365
Chi phí kho vận	1.467.558.071	3.940.678.195
Chi phí hoa hồng bán hàng	189.370.946	162.242.200
Chi phí lãi vay	137.144.023	5.287.415
Chi phí khác	8.572.134.562	1.450.456.450
	<hr/>	<hr/>
	35.351.071.355	35.884.565.625
	<hr/>	<hr/>

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Phải trả khác cho nhân viên	2.953.083.546	2.352.997.845
Nhận ký quỹ, ký cược	1.186.900.000	1.186.900.000
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	66.794.616	57.309.820
Cổ tức	8.661.430	7.283.930
Phải trả khác	241.559.442	910.429.485
	<hr/>	<hr/>
	4.456.999.034	4.514.921.080
	<hr/>	<hr/>

Y
Z
ET
11/11/2022

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

	1/1/2022		Biến động trong năm			31/12/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Vay VND	Trả nợ vay VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	20.357.796.120	20.357.796.120	186.355.263.790	(63.286.620.570)	(649.575.408)	142.776.863.932	142.776.863.932

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	6,0% - 7,2%	109.726.083.000	-
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	USD	3,0% - 3,6%	33.050.780.932	20.357.796.120
			<u>142.776.863.932</u>	<u>20.357.796.120</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty không có khoản vay nào quá hạn bao gồm cả nợ gốc vay và lãi vay.



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022	2021
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.670.165.410	5.988.623.418
Trích lập trong năm	-	8.005.000.000
Sử dụng trong năm	(4.697.076.597)	(3.323.458.008)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.973.088.813	10.670.165.410
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	223.983.740.000	15.706.553.642	147.432.230.139	387.122.523.781
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	113.363.537.475	113.363.537.475
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(134.390.244.000)	(134.390.244.000)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(8.005.000.000)	(8.005.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	223.983.740.000	15.706.553.642	118.400.523.614	358.090.817.256
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	88.155.063.012	88.155.063.012
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(111.991.870.000)	(111.991.870.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	223.983.740.000	15.706.553.642	94.563.716.626	334.254.010.268

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
Vốn cổ phần đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 19 tháng 4 năm 2022 đã quyết định chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 111.992 triệu VND (2021: 134.390 triệu VND).

24. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập cho mục đích mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng 1 năm	3.630.133.051	2.476.700.745
Từ 2 đến 5 năm	11.700.532.204	9.042.802.980
Từ 5 năm trở lên	64.019.199.213	56.461.047.737
	79.349.864.468	67.980.551.462

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	523.940	12.265.427.909	9.873	223.531.965
EUR	202	4.983.736	212	5.396.669
		12.270.411.645		228.928.634

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	1.479.376.292.679	1.424.230.428.929
▪ Dịch vụ gia công	39.679.259.140	35.491.551.290
▪ Cho thuê nhà xưởng và dịch vụ khác	6.006.016.743	6.738.233.420
▪ Doanh thu khác	15.103.375.158	13.184.535.936
	<hr/> 1.540.164.943.720	<hr/> 1.479.644.749.575
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	10.255.821.358	-
	<hr/> 1.529.909.122.362	<hr/> 1.479.644.749.575

27. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2022 VND	2021 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng hóa đã bán	1.210.863.907.512	1.142.208.152.261
▪ Dịch vụ gia công	32.142.597.949	25.505.164.836
▪ Cho thuê nhà xưởng và dịch vụ khác	3.015.858.776	4.640.371.167
▪ Giá vốn khác	12.451.558.270	9.294.333.951
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	562.154.745	-
	<hr/> 1.259.036.077.252	<hr/> 1.181.648.022.215

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi	5.457.517.371	4.661.011.556
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.876.169.945	2.223.858.079
	<hr/>	<hr/>
	10.333.687.316	6.884.869.635

29. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.962.297.019	1.190.320.399
Chi phí lãi vay	1.658.342.636	459.960.964
	<hr/>	<hr/>
	5.620.639.655	1.650.281.363

30. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí khuyến mại, quảng cáo và hỗ trợ bán hàng	75.057.278.770	68.110.490.133
Chi phí kho vận	36.052.071.464	40.556.785.007
Chi phí nhân viên	28.273.550.096	30.960.545.546
Chi phí vật liệu, bao bì	1.487.464.318	1.954.389.310
Chi phí khấu hao và phân bổ	355.945.332	360.360.037
Chi phí khác	4.853.176.177	2.856.723.349
	<hr/>	<hr/>
	146.079.486.157	144.799.293.382

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	8.856.391.809	11.433.176.098
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.886.163.044	3.840.315.524
Thuế, phí và lệ phí	1.916.313.640	3.628.365.937
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.273.199.101	1.795.588.804
Chi phí khác	11.429.164.339	9.725.262.095
	<hr/>	<hr/>
	27.361.231.933	30.422.708.458

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.121.435.414.843	1.068.096.442.291
Chi phí nhân công và nhân viên	65.670.049.111	67.738.933.719
Chi phí khấu hao và phân bổ	22.132.236.754	21.533.949.320
Chi phí khác	223.239.094.634	199.500.698.725
	<hr/>	<hr/>

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	13.545.237.437	17.284.402.603
Dự phòng thiếu trong những năm trước	16.026.088	317.442.205
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	13.561.263.525	17.601.844.808

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	101.716.326.537	130.965.382.283
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20.343.265.307	26.193.076.457
Ưu đãi thuế	(6.383.831.195)	(8.048.710.419)
Thay đổi trong chênh lệch tạm thời	(474.363.225)	(881.402.435)
Chi phí không được khấu trừ thuế	60.166.550	21.439.000
Dự phòng thiếu trong những năm trước	16.026.088	317.442.205
	13.561.263.525	17.601.844.808

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Ngoài ra, Công ty có dự án đầu tư mở rộng thuộc địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các điều khoản của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP và đáp ứng một trong các tiêu chí theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC, được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC, và do đó Công ty được hưởng ưu đãi về thời gian miễn thuế và giảm thuế đối với phần thu nhập chịu thuế tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư mở rộng có thu nhập chịu thuế (2018 - 2019); và
- Giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2020 - 2023).

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền đánh thuế, phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính có thể là đáng kể.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***34. Lãi trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi là 88.155 triệu VND (2021: 113.364 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm là 22.398.374 cổ phiếu (2021: 22.398.374 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	88.155.063.012	113.363.537.475

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2022	2021
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm	22.398.374	22.398.374

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2022 VND	2021 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.936	5.061

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do đó, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
<i>Công ty mẹ của công ty mẹ</i>		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Bán hàng hóa và dịch vụ	227.448.315.231	167.248.576.001
Mua hàng hóa	64.457.064.426	-
Mua hộ nguyên vật liệu	69.306.431.188	-
<i>Công ty mẹ</i>		
Công ty TNHH Masan HPC		
Cổ tức công bố	58.518.150.000	70.221.780.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản Miền Nam		
Mua hàng hóa	52.610.231.000	32.626.163.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam		
Mua hàng hóa	28.264.946.668	30.284.852.900
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		
Cổ tức công bố	40.322.490.000	48.386.988.000
Công ty Cổ phần Masan JinJu		
Bán hàng hóa	198.346.598	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce		
Bán hàng hóa	129.381.060	38.050.355.207
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn		
Bán hàng hóa	70.128.148	-
Công ty TNHH MEATDeli HN		
Bán hàng hóa	58.677.248	49.314.490
Công ty TNHH Giặt ủi chuyên nghiệp Joins Pro		
Bán hàng hóa	1.187.165	-
Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution		
Mua hàng hóa	152.100.000	-
<i>Nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Thù lao	707.909.000	1.131.276.000

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng cho từng thành viên Hội đồng Quản trị Công ty và Tổng Giám đốc Công ty như sau:

Tên	Chức vụ	2022 VND	2021 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Trương Công Thắng	Chủ tịch	-	-
Ông Trần Quốc Cường	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Huỳnh Việt Thắng	Thành viên	-	-
Ông Vũ Quốc Tuấn (từ ngày 19 tháng 4 năm 2022)	Thành viên	-	-
Bà Lưu Thanh Hồng (từ ngày 19 tháng 4 năm 2022)	pThành viên	32.000.000	-
Ông Ngô Văn Phước (đến ngày 19 tháng 4 năm 2022)	Thành viên	-	-
Bà Thái Thị Hồng Yến (đến ngày 19 tháng 4 năm 2022)	Thành viên	12.000.000	48.000.000
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ban Giám đốc			
Ông Phan Trọng Chinh (từ ngày 17 tháng 1 năm 2022) (*)	Tổng Giám đốc	-	-
Bà Thái Thị Hồng Yến (đến ngày 17 tháng 1 năm 2022)	Tổng Giám đốc	567.909.000	987.276.000

(*) Không nhận lương thưởng từ Công ty.

36. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Trần Thị Ái Liên
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thành Luân
Kế toán trưởng



Phan Trọng Chinh
Tổng Giám đốc

